

THÔNG TIN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG, NHU CẦU TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG
CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG
(Thu thập thông tin của người sử dụng lao động)

1. Thông tin người sử dụng lao động		Mã số NSDLĐ	
Tên người sử dụng lao động:.....			
Mã số đăng ký kinh doanh/Mã số thuế/CCCD/CMND:.....			
Loại hình: ☐ Doanh nghiệp Nhà nước ☐ Doanh nghiệp ngoài nhà nước ☐ Doanh nghiệp vốn nước ngoài ☐ Cơ quan, đơn vị nhà nước ☐ Hộ kinh doanh ☐ Hợp tác xã ☐ Cá nhân			
Địa chỉ: Tỉnh Huyện..... Xã..... Địa chỉ cụ thể:..... ☐ KCN/KKT:.....			
Số điện thoại:.....		Email:.....	
Ngành sản xuất - kinh doanh chính:			
☐ Nông, lâm nghiệp và thủy sản ☐ Công nghiệp, chế biến, chế tạo ☐ SX và phân phối điện, khí đốt, hơi nước và điều hòa không khí ☐ Vận tải, kho bãi ☐ Thông tin và truyền thông ☐ Hoạt động kinh doanh bất động sản ☐ Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ ☐ Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội ☐ Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác ☐ Hoạt động làm thuê và các công việc trong hộ gia đình ☐ Khai khoáng ☐ Xây dựng ☐ Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý nước thải, rác thải ☐ Dịch vụ lưu trú và ăn uống ☐ Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm ☐ Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ ☐ Giáo dục và đào tạo ☐ Nghệ thuật, vui chơi và giải trí ☐ Hoạt động của ĐCS, tổ chức CT-XH, QLNN, ANQP, BDXH bắt buộc ☐ Hoạt động, dịch vụ khác ☐ Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế			

Mã nghề cấp 2	Tên gọi nghề nghiệp	Số lượng (Người)	Trong đó nữ:
17	Nhà quản lý của các cơ quan Tập đoàn, Tổng công ty và tương đương (chuyên trách)		
21	Nhà chuyên môn trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật		
22	Nhà chuyên môn về sức khỏe		
23	Nhà chuyên môn về giảng dạy		
24	Nhà chuyên môn về kinh doanh và quản lý		
25	Nhà chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông		
26	Nhà chuyên môn về luật pháp, văn hóa, xã hội		
31	Kỹ thuật viên khoa học và kỹ thuật		
32	Kỹ thuật viên sức khỏe		
33	Nhân viên về kinh doanh và quản lý		
34	Nhân viên luật pháp, văn hóa, xã hội		
35	Kỹ thuật viên thông tin và truyền thông		
36	Giáo viên bậc trung		
41	Nhân viên tổng hợp và nhân viên làm các công việc bàn giấy		
42	Nhân viên dịch vụ khách hàng		
43	Nhân viên ghi chép số liệu và vật liệu		
44	Nhân viên hỗ trợ văn phòng khác		
51	Nhân viên dịch vụ cá nhân		
52	Nhân viên bán hàng		
53	Nhân viên chăm sóc cá nhân		
54	Nhân viên dịch vụ bảo vệ		
61	Lao động có kỹ năng trong nông nghiệp có sản phẩm chủ yếu để bán		
62	Lao động có kỹ năng trong lâm nghiệp, thủy sản và săn bắn có sản phẩm chủ yếu để bán		
63	Lao động tự cung tự cấp trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản		
71	Lao động xây dựng và lao động có liên quan đến nghề xây dựng (trừ thợ điện)		
72	Thợ luyện kim, cơ khí và thợ có liên quan		
73	Thợ thủ công và thợ liên quan đến in		
74	Thợ điện và thợ điện tử		
75	Thợ chế biến thực phẩm, gia công gỗ, may mặc, đồ thủ công và thợ có liên quan khác		
81	Thợ vận hành máy móc và thiết bị		
82	Thợ lắp ráp		
83	Lái xe và thợ vận hành thiết bị chuyển động		
91	Người quét dọn và giúp việc		
92	Lao động giản đơn trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản		
93	Lao động trong ngành khai khoáng, xây dựng, công nghiệp chế biến, chế tạo và giao thông vận tải		
94	Người phụ giúp chuẩn bị thực phẩm		
95	Lao động trên đường phố và lao động có liên quan đến bán hàng		
96	Người thu dọn vật thải và lao động giản đơn khác		
	TỔNG		

Ngày.... tháng....năm 2024
Người cung cấp thông tin
(Ký, ghi rõ họ tên)